

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TP TRÀ VINH
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2019/HNGĐ-ST

Ngày 01 - 11 - 2019

*“Ly hôn, tranh chấp quyền nuôi
con, cấp dưỡng và nợ chung”*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TRÀ VINH, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Gấm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Thạch Thị Mỹ Kim;

2. Ông Nguyễn Văn Tạ

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tuyền, Thư ký - Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Đặng Chí Thiện - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 11 năm 2019 tại phòng xử án Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh tiến hành xét xử sơ thẩm đối với vụ án hôn nhân thụ lý số: 105/2019/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2019 về việc, *“Ly hôn, tranh chấp quyền nuôi con, cấp dưỡng và nợ chung”*. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lê Phước H, sinh năm 1971.

Nơi cư trú: Số 50, Đường 19/5, khóm 2, Phường 1, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

Bị đơn: Bà Đào Thị U, sinh năm 1972.

Nơi cư trú: Số 50, Đường 19/5, khóm 2, Phường 1, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh thành phố Trà Vinh. Người đại diện theo pháp luật: Bà Hà Thị Phụng, Giám đốc Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh thành phố Trà Vinh tham gia tố tụng theo văn bản ủy quyền số 510/QĐ-HĐQT-PC ngày 19/6/2014 (có đơn không yêu cầu giải quyết và đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ chi nhánh: Số 70-72 Lê Lợi, Phường 2, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

- Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh số 01 Trà Vinh. Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Văn Tuấn, Giám đốc tham gia tố tụng theo văn bản ủy quyền số 510/QĐ-HĐQT-PC ngày 19/6/2014 (có đơn không yêu cầu giải quyết và đơn xin vắng mặt).

Con chung:

- Em Lê Mỹ D, sinh năm 1996 (có đơn xin vắng mặt).

- Em Lê Mỹ N, sinh ngày 29/4/2005 (có đơn xin vắng mặt).

Cùng nơi cư trú: Số 50, Đường 19/5, khóm 2, Phường 1, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn ông Lê Phước H trình bày: Ông và bà Đào Thị U xác lập quan hệ hôn nhân với nhau vào năm 1995, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Long Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh. Quá trình chung sống thì bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cự cãi, không đồng thuận với nhau trong việc cư xử, không tâm đầu ý hợp để cùng nhau phát triển kinh tế gia đình. Ông nhận thấy không thể tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân với bà U được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn nên ông H yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Đào Thị U.

Về con chung: Trong quá trình chung sống ông và bà U có hai người con chung tên là Lê Mỹ D, sinh ngày 15/11/1996 và Lê Mỹ N, sinh ngày 29/4/2005. Ông H đồng ý giao cháu Ngọc cho bà U tiếp tục nuôi dưỡng. Cháu Lê Mỹ D đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông và bà U có tạo lập được tài sản chung là 01 căn nhà cấp 4, gắn liền với thửa đất số 126, tờ bản đồ số 28, diện tích 181,7m², tọa lạc tại số 2/1 Đường Nguyễn Thị Minh Khai, Khóm 2, Phường 1, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh (hiện nay là số 50 đường 19/5), ông không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Về nợ chung: Nợ ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh thành phố Trà Vinh số tiền 200.000.000 đồng (ông và bà U thế chấp căn nhà nêu trên vay); nợ Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh số 01 Trà Vinh 500.000.000đ.

Bị đơn bà Đào Thị U trình bày: Về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung đúng như ông H trình bày nhưng bà không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Mỹ N, sinh ngày 29/4/2005. Không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung, đối với cháu Lê Mỹ D đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Gồm có 01 căn nhà cấp 4, gắn liền với thửa đất số 126, tờ bản đồ số 28, diện tích 181,7m². Mục đích sử dụng, tọa lạc tại số 2/1 Đường Nguyễn Thị Minh Khai, Khóm 2, Phường 1, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh (hiện nay là số 50 đường 19/5), bà không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Về nợ chung: Nợ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh thành phố Trà Vinh số tiền 200.000.000 đồng. Hình thức vay, dùng tài sản chung của vợ chồng để thế chấp vay vốn tại Ngân hàng. Riêng đối với khoản nợ 500.000.000đ ông H vay của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh số 01 Trà Vinh là ông H thế chấp quỹ lương nên là nợ riêng của ông H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh thành phố Trà Vinh; Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh số 01 Trà Vinh không yêu cầu ông H, bà U trả nợ trong vụ án này. Khi cần thiết Ngân hàng sẽ khởi kiện bằng một vụ kiện dân sự khác khi có yêu cầu.

- Cháu Lê Mỹ N trình bày ý kiến: Cháu là con của ông Lê Phước H và bà Đào Thị U, nay cha mẹ cháu ly hôn thì nguyện vọng của cháu được sống với mẹ và có đơn xin giải quyết vắng mặt.

- *Cháu Lê Mỹ D trình bày ý kiến:* Cháu là con chung của ông H, bà U. Nay, cha mẹ ly hôn cháu đã trưởng thành nên không có yêu cầu gì và có đơn xin giải quyết vắng mặt.

Tại phiên tòa hôm nay, vị Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự thực hiện tốt các qui định tại các Điều 28, 35, 39; 70, 71, 72, 73, 209, 210, 211, 220, 234, 239, 248, 249, 250, 258, 260, 261 của Bộ luật tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án.

Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 56; Điều 57; Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 và Điều 5 Bộ luật Tố tụng sự năm 2015, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Phước Hùng. Cho ông H được ly hôn với bà Đào Thị U; giao con

chung cho bà U tiếp tục nuôi dưỡng; bà Út không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không đề nghị xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: ông H, bà U và Ngân hàng không có yêu cầu nên không xem xét, án phí hôn nhân ông H phải chịu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật của vụ án và thẩm quyền giải quyết:* Ông Lê Phước H yêu cầu được ly hôn với bà Đào Thị U và yêu cầu giải quyết việc nuôi con chung. Theo Thông báo thụ lý vụ án số 105/TB -TLVA ngày 04/4/2019 thì quan hệ tranh chấp của vụ án là “*Ly hôn, tranh chấp quyền nuôi con, cấp dưỡng và nợ chung*” nhưng sau khi thông báo thụ lý được tổng đạt hợp lệ thì cả hai Ngân hàng đều có đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết, bà U thì không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung. Do đó, quan hệ pháp luật có tranh chấp của vụ án này là “*Ly hôn, tranh chấp quyền nuôi con*” theo quy định tại khoản 1, Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà Đào Thị U là bị đơn có nơi cư trú số 50, Đường 19/5, khóm 2, Phường 1, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Xét thấy, ông Lê Phước H và bà Đào Thị U xác lập quan hệ hôn nhân với nhau vào năm 1995, có đăng ký kết hôn vào năm 2005 tại Ủy ban nhân dân xã Long Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận. Trong quá trình chung sống ông H và bà U sống chung hạnh phúc được một thời gian. Đến năm 2018 thì ông H và bà U phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên ông và bà U đã ly thân nhau, trong suốt thời gian ly thân hai người bỏ mặc nhau, không quan tâm chăm sóc nhau, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được.

Việc bà U cho rằng còn thương ông H, vợ chồng không mâu thuẫn nên bà không đồng ý ly hôn nhưng bà U không đưa ra được biện pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Ông H xác định không còn tình cảm với bà U, vì bà U không tôn trọng ông, không quan tâm chăm sóc giúp đỡ, chia sẻ công việc với ông để cùng nhau phát triển kinh tế gia đình, nên ông không thể sống chung với bà U được nữa, ông kiên quyết ly hôn. Tại khoản 1 Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 có quy định “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình*”.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn của ông H, cho ông Hùng và bà U ly hôn với nhau là có căn cứ.

[3] *Về con chung*: Ông Lê Phước H và bà Đào Thị U có với nhau 02 người con chung tên Lê Mỹ D, sinh năm 1996 và Lê Mỹ N, sinh năm 2005, hiện tại do bà U đang nuôi dưỡng cháu N; cháu D đã trưởng thành. Tại phiên tòa hôm nay, bà U yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu N và không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con; ông H cũng đồng ý để bà U tiếp tục nuôi dưỡng cháu N là phù hợp với nguyện vọng của cháu N. Riêng cháu D đã trưởng thành (không bị nhược điểm về thể chất, tâm thần) và cháu D cũng không có yêu cầu gì nên Hội xét xử không đặt ra xem xét.

[4] *Về cấp dưỡng nuôi con chung*: Hội đồng xét xử đã giải thích, khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 “*Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con*” nhưng bà Út vẫn không yêu cầu ông Hùng cấp dưỡng nuôi con. Do, bà U không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Ông H có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản.

[5] *Về nợ chung*: Ông H xác nhận, ông và bà Út có nợ Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh thành phố Trà Vinh và Chi nhánh số 01 Trà Vinh là 700.000.000đ (Trong đó, nợ chi nhánh thành phố 200.000.000đ, nợ Chi nhánh số 01 500.000.000đ). Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án triệu tập 02 Ngân hàng này tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nhưng cả 02 Ngân hàng đều không yêu cầu ông H, bà U trả nợ trong vụ án này và đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] *Về tài sản chung*: Ông H và bà U xác nhận trong quá trình chung sống, vợ chồng có tạo lập được 01 căn nhà cấp 4, gắn liền với thửa đất số 126, tờ bản đồ số 28, diện tích 181,7m², loại đất ODT, tọa lạc tại số 2/1 Đường Nguyễn Thị Minh Khai, khóm 2, Phường 1, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh (hiện nay là số 50 đường 19/5). Căn nhà này, ông H và bà U đã thế chấp cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh thành phố Trà Vinh để vay 200.000.000đ nhưng Ngân hàng không có yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông H và bà U cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung trong vụ án này, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về án phí: Ông Lê Phước H phải có nghĩa vụ chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39; điểm a, khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 19; khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Phước H.

Cho ông Lê Phước H được ly hôn với bà Đào Thị U.

Về con chung: Giao cháu Lê Mỹ N, sinh ngày 29/4/2005 cho bà Đào Thị U tiếp tục nuôi dưỡng. Bà U không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Ông Lê Phước H có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.

Đối với cháu Lê Mỹ D không có yêu cầu gì nên Hội xét xử không đặt ra xem xét.

Về nợ chung: Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh thành phố Trà Vinh; Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh số 01 Trà Vinh, ông Lê Phước H, bà Đào Thị U không yêu cầu giải quyết trong vụ án này, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung: Ông Lê Phước H và bà Đào Thị U không yêu cầu giải quyết trong vụ án này, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Ông Lê Phước H phải có nghĩa vụ chịu 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được cản trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu tiền số: 0002615 ngày 04/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh (chuyển thành án phí).

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho đương sự có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại Ủy ban nhân dân xã (phường) nơi đương sự cư trú.

** Nơi nhận:*

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND TP Trà Vinh;
- THADS TP Trà Vinh;
- UBND xã Long Hòa, h.Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Gấm